TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 104/2018/KDTM - PT Ngày: 16/8/2018 *V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Nghĩa Hải – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Ngô Huyền Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2017/TLPT-KDTM ngày 11/12/2017 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án sơ thẩm số 20/2017/KDTM ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 243/2018/QĐ-PT 19/6/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 287/2018/QĐ-PT ngày 09/7/2018 và số 299 ngày 26/7/2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng V); Trụ sở: Tầng 1-6-7 Tòa nhà C, số 16 phố P, phường T, quận H, Hà Nội do ông Hàn Ngọc V – Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật. Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh L, bà Lại Thị N– Theo văn bản ủy quyền số 3.1730.18 ngày 06/7/2018.

2. Bị đơn: Anh Đinh Ngọc Q, sinh năm 1991; ĐKHKTT: Tổ 38, thị trấn A, huyện Đ, thành phố Hà Nội; Trú tại: Thôn T, xã B, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vương Quốc C, sinh năm 1960.
- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1966.
- Anh Vương Văn L, sinh năm 1981.

Đều trú tại: Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Văn phòng Công chứng H; Địa chỉ: 126 phố N, phường Đ, quận T, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị O – Trưởng Văn phòng; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T – Thành viên hợp danh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vương Quốc C: Luật sư Phan Thị S – Công ty Luật TNHH C – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Ông Vương Quốc C – là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

5. Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 25 ngày 18/10/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Đại diện nguyên đơn trình bày:** Ngày 26/5/2011, Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là nguyên đơn) ký Hợp đồng tín dụng số 0286/HĐTD/13/11với anh Đinh Ngọc Q (gọi tắt là bị đơn), theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 2.500.000.000đ; mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 22,8%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần, biên độ điều chỉnh 3,8%/năm; trả gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 26 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn 2.500.000.000đ tại khế ước nhận nợ số 0286/KUNN1-V13/11.

Tài sản bảo đảm: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 97, tờ bản đồ 96, diện tích 192,9m2 tại Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận QSD đất số bìa BD613458 do UBND huyện Đ cấp cho ông Vương Quốc C ngày 29/10/2010. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1764/2011 ngày 25/05/2011 tại Văn phòng công chứng H, đã đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 486.390.498đ nợ lãi. Ngày 05/7/2016, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi còn thiếu, nợ gốc: 2.500.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 92.194.854đ; nợ lãi quá hạn: 3.904.229.167đ; Lãi phạt chậm trả: 145.254.428đ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút số tiền lãi phạt chậm trả 145.254.428đ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 6.496.424.021đ.

Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đủ nợ thì nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông Vương Quốc C để thu hồi nợ.

***Bị đơn anh Đinh Ngọc Q trình bày:** Khoảng năm 2010, anh có biết ông Vương Quốc C thông qua anh L. Năm 2011, ông C có nói chuyện với anh cần vay tiền của ngân hàng để lấy vốn làm ăn nhưng không muốn trực tiếp đứng tên. Ông C nói có tài sản thế chấp ở Xóm T, Xã U và nhờ anh ký hợp đồng tín dụng

với ngân hàng. Anh nghĩ là ký hộ hợp đồng cho ông C, khi ký hợp đồng có mặt anh, vợ chồng ông C. Sau khi ký hợp đồng tín dụng anh đến ngân hàng giải ngân số tiền 2.500.000.000đ, sau khi nhận tiền ở ngân hàng anh đã chuyển toàn bộ cho ông C sử dụng. Anh cũng không biết ông C trả được cho ngân hàng bao nhiêu tiền, anh không nhất trí với yêu cầu của ngân hàng vì anh không được sử dụng tiền vay, anh đề nghị ngân hàng phát mại tài sản của vợ chồng ông C để thu hồi nợ.

***Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Vương Quốc C trình bày: Năm 2010, ông cho anh Vương Văn L (cháu ruột) mượn "sổ đỏ" ở Xóm T, Xã U để vay tiền làm ăn trong thời gian 1 năm. Anh L đưa người đến nhà ông ký kết các văn bản giấy tờ nhưng ông không biết họ là ai; hết thời hạn 1 năm anh L khất không trả "sổ đỏ" cho ông, khi ngân hàng gửi giấy về nhà thì ông mới biết anh Q là người ký hợp đồng vay tiền, ông khẳng định trước đó không biết anh Q là ai.

Các chữ ký trong hợp đồng tín dụng số 0286/HĐTD/13/11 ngày 26/05/2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 1764/2011 ngày 25/11/2011 là chữ ký của ông và vợ ông là bà Hoàng Thị H nhưng khi ký ông, bà chủ quan không đọc lại nên không biết anh Q là người vay tiền, vì vậy ông không đồng ý với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ngân hàng. Bà Hoàng Thị H thống nhất với lời khai của ông C.

- Anh Vương Văn L trình bày: Năm 2008, anh có quen anh Đinh Ngọc Q khi anh làm ở quán cà phê do anh quản lý. Năm 2011, anh Q hỏi anh mượn "sổ đỏ" để vay vốn ngân hàng nên anh có hỏi mượn "sổ đỏ" của ông C và bà H. Do lúc đó, anh đang kinh doanh chạy taxi nên ông C tin tưởng cho mượn "sổ đỏ", sau đó anh Q vay tiền như thế nào anh không được biết. Ngày 07/9/2017, anh đề nghị hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1764/2011 ngày 25/11/2011 để trả lại "sổ đỏ" cho ông C và bà H. Tòa án nhân dân huyện Đ đã thụ lý yêu cầu độc lập của anh.

- Đại diện theo ủy quyền của Văn phòng công chứng H, Ông Nguyễn Anh T trình bày: Ngày 25/05/2011, Văn phòng Công chứng H nhận được yêu cầu công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội giữa bên thế chấp là ông Vương Quốc C và bà Hoàng Thị H với bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Q, bên vay vốn là anh Đinh Ngọc Q được công chứng viên Lê Thị X của Văn phòng Công chứng H chứng nhận, số công chứng: 1764/2011, quyển số 04TP/CC-SCC/HĐTC. Hồ sơ công chứng đang lưu giữ tại Văn phòng thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20 ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q đối với anh Đinh Ngọc Q; buộc anh Đinh Ngọc Q trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 6.496.424.021đ, trong đó: tiền gốc: 2.500.000.000đ; tiền lãi trong hạn: 92.194.854đ; tiền lãi quá hạn: 3.904.229.167đ.

2. Trường hợp anh Đinh Ngọc Q không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 97, tờ bản đồ 96, diện tích 192,9m2 tọa lạc tại Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội để thu hồi nợ.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Vương Văn L yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1764/2011 giữa bên thế chấp là ông Vương Quốc C, bà Hoàng Thị H và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Q.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2017, ông Vương Quốc C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: bản án xét xử không khách quan, không đảm bảo quyền lợi của ông, vi phạm tố tụng. Ông đề nghị hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 18/10/2017, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị đối với bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân huyện Đ với nội dung:

Tòa án nhân dân huyện Đ đã xác định và thụ lý sai tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Vương Văn L, thay vì thụ lý đối với yêu cầu độc lập của ông Vương Quốc C; vi phạm thủ tục thu thập chứng cứ; bị đơn rút yêu cầu đề nghị nguyên đơn trả lãi phạt chậm trả lãi nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu này; tính án phí sơ thẩm không đúng và đề nghị sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với nội dung kháng nghị và có đơn đề nghị tự nguyện điều chỉnh giảm lãi suất quá hạn đối với bị đơn 997.391.667đ, từ 3.904.229.167đ còn 2.906.837.500đ. Quá trình ký kết Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp ngân hàng đã tiến hành theo đúng qui định pháp luật, các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép nên các hợp đồng đều phát sinh hiệu lực giữa các bên. Nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm vì bản án sơ thẩm đã xét xử đúng qui định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là ông Vương Quốc C có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của ông C là Luật sư Phan Thị S có ý kiến thể hiện ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không có ý kiến gì với nội dung kháng nghị; đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm vì bản án không đảm bảo quyền lợi của ông C và có vi phạm tố tụng. Cụ thể:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp, bởi lẽ: theo lời khai của ông C và anh L thì thời gian ký kết hợp đồng thế chấp là khoảng 12 giờ tại vườn nhà ông C, không phải ký tại Văn phòng công chứng; về ý thức chủ quan, ông C đồng ý ký Hợp đồng thế chấp để anh L vay tiền ngân hàng, vợ chồng ông C không biết và không ký Hợp đồng thế chấp với anh Q, việc ký hợp đồng do chủ quan và tin tưởng anh L nên không đọc nội dung trước khi ký, vì vậy Hợp đồng thế chấp vô hiệu cả nội dung và hình thức. Cấp sơ thẩm không làm rõ và lấy lời khai của những người chứng kiến việc ký kết hợp đồng thế chấp như anh L cán bộ ngân hàng là vi phạm qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về thu thập và đánh giá chứng cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa hướng dẫn ông C thực hiện các thủ tục về yêu cầu độc lập là vi phạm tố tụng; không đo đạc diện tích đất trên thực tế dẫn đến sẽ không thi hành án được; hiện trạng đất thế chấp có 2 bức tường 2 bên và 8 cây cau, cấp sơ thẩm không đưa các con của ông C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và làm rõ các con ông C có đóng góp gì đối với tài sản trên đất nêu trên hay không là thiếu sót vì thời điểm đó các con ông đã đủ 18 tuổi. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do những vi phạm về tố tụng và nội dung như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án có nội dung chính như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên thời hạn xét xử còn quá hạn luật định cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo trình tự luật định. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông Vương Quốc C kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội kháng nghị đề nghị sửa án do những vi phạm về tố tụng và nội dung. Nhận thấy, những nội dung cơ bản của kháng cáo nằm trong nội dung đã được phân tích tại kháng nghị số 25/18.10.2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Đ đã xác định và thụ lý sai tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Từ ngày 26/5/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án chỉ áp dụng một mức lãi suất nợ quá hạn 28,95%/năm mà không điều chỉnh lãi suất là chưa phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị và bảng kê tính lãi, theo đó nguyên đơn đã điều chỉnh lãi quá hạn, sự tự nguyện không trái quy định của

pháp luật và phù hợp thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Nội dung kháng nghị về việc cấp sơ thẩm chưa đối chất giữa ông C, anh Q, anh L về mục đích sử dụng tiền vay, người trả tiền vay. Qua nghiên cứu hồ sơ thì thấy: cấp sơ thẩm cũng đã triệu tập các đương sự để đối chất nhưng tại phiên đối chất vắng mặt bị đơn, ông C, bà H. Tại cấp phúc thẩm, ngoài ông C, và ngân hàng thì các đương sự khác không phối hợp đến Tòa án làm việc. Mặt khác, việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp là phù hợp qui định pháp luật nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Vương Quốc C, chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, sửa án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã đ□ợc thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn luật định, người kháng cáo nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ.

- Anh Đinh Ngọc Q, anh Vương Văn L, Văn phòng Công chứng H đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; bà Hoàng Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp qui định pháp luật.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của ông C và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

2.1.Xét Hợp đồng tín dụng số 0286/HĐTD/13/11 ngày 26/05/2011 giữa nguyên đơn với bị đơn, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc là 2.500.000.000đ; mục đích: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 22,8%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần, biên độ điều chỉnh 3,8%/năm; trả gốc vào cuối kỳ; trả lãi vào ngày 26 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân đủ cho bị đơn số tiền 2.500.000.000đ tại khế ước nhận nợ số 0286/KUNN1-V13/11.

Nay bị đơn khai anh chỉ đứng ra vay hộ cho ông C số tiền 2.500.000.000đ, sau khi nhận tiền tại ngân hàng, bị đơn đã đưa hết cho ông C số tiền trên.

Xét thấy, tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và tài liệu giải ngân do ngân hàng cung cấp đều thể hiện bị đơn là người ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị đe dọa, lừa dối; bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì khác ngoài lời khai về việc ông C đã nhận lại số tiền vay mà bị đơn đã nhận được từ ngân hàng. Do bên vay đã vi phạm Hợp đồng tín dụng nên ngân hàng đã chuyển khoản vay của bị đơn sang nợ quá hạn từ ngày 26/5/2012. Đến nay, bị đơn vẫn chưa trả được nợ gốc và trả được 486.390.498đ nợ lãi. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc bị đơn

phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 2.500.000.000đ và tiền nợ lãi là có căn cứ.

2.2. Xét Hợp đồng thế chấp số 1764/2011 ngày 25/11/2011 được ký kết giữa bên thế chấp là ông Vương Quốc C, bà Hoàng Thị H; bên nhận thế chấp là ngân hàng V và bên vay vốn là anh Đinh Ngọc Q. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng 192,9m2 đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 97, tờ bản đồ 96, diện tích tại Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận QSD đất số bìa BD613458 do UBND huyện Đ cấp cho ông Vương Quốc C ngày 29/10/2010.

Tại cấp phúc thẩm, ông C kháng cáo cho rằng: do quá tin tưởng anh L là cháu ông nên ông không đọc khi ký hợp đồng thế chấp, không biết là cho anh Q vay tiền và không biết anh Q là ai mà chỉ cho anh L mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vương Văn C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp bởi theo lời khai của ông C và anh L, việc ký kết hợp đồng thế chấp được ký khoảng 12g tại vườn nhà ông C, không phải ký tại Văn phòng công chứng; về ý thức ông C đồng ý ký Hợp đồng thế chấp để anh L vay tiền ngân hàng, vợ chồng ông C không biết anh Q và không ký Hợp đồng thế chấp với anh Q; Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý đơn yêu cầu độc lập của ông C là vi phạm tố tụng.

Xét thấy, hợp đồng thế chấp được ký 3 bên thể hiện rõ bên vay là anh Q, bên cho vay là Ngân hàng và bên thế chấp là ông C, bà H. Hợp đồng được ông bà ký và đồng ý thế chấp tài sản của mình đảm bảo cho khoản vay 2.500.000.000 đồng của anh Q; việc ký kết hợp đồng thế chấp tại Văn phòng Công chứng H đã được thực hiện theo đúng qui định của pháp luật, các chủ thể ký kết có đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật; tài sản thế chấp đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; người thế chấp tài sản là vợ chồng ông C và bà H đều xác nhận đã ký vào hợp đồng thế chấp vì vậy, hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực và có giá trị thi hành giữa các bên. Ông C, bà H cho rằng do chủ quan và tin tưởng anh L nên không đọc và ký hợp đồng, đó chỉ là lời khai của ông, bà và ông, bà phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng này của ông C.

- Về việc ông Vương Quốc C cho rằng Tòa án không thụ lý yêu cầu độc lập của ông về việc yêu cầu hủy hợp đồng thế chấp là không đảm bảo quyền lợi của ông, đây cũng là một nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát thành phố Hà Nội.

Xét thấy, ngày 14/9/2017 ông C nộp cho Tòa án Đơn đề nghị hủy hợp đồng công chứng sau khi Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1 ngày 31/8/2017; lần 2 ngày 13/9/2017). Thực tế ngày 28/8/2017, ông C nộp cho Tòa án Đơn xin đề nghị (đơn đề ngày 25/8/2017) với nội dung "khiếu nại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất". Mặc dù, tiêu đề và nội dung đơn không ghi rõ là

Đơn yêu cầu độc lập và đề nghị hủy hợp đồng thế chấp nhưng khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần hướng dẫn ông C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến hợp đồng thế chấp thực hiện thủ tục yêu cầu độc lập mới đảm bảo quyền lợi cho ông C. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên Hội đồng xét xử thấy rằng không có căn cứ hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1764/2011 ngày 25/5/2011.

2.3 .Về nội dung kháng nghị: Tòa án nhân dân huyện Đ đã xác định và thụ lý sai tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Vương Văn L, xét thấy:

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 07/9/2017 anh Vương Văn L có nộp đơn yêu cầu độc lập đề nghị hủy hợp đồng thế chấp số 1764 ngày 25/5/2011 của Văn phòng Công chứng H.

Xem xét vai trò của anh Vương Văn L trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: anh L không tham gia ký kết các hợp đồng mà chỉ là người biết sự việc ký kết các hợp đồng tín dụng, biết việc ký kết hợp đồng thế chấp, có quen biết với bị đơn là anh Đinh Văn Q và là cháu ruột của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vương Quốc C, không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến quan hệ tranh chấp. Tòa án không xác định anh Vương Văn L là nhân chứng mà có Thông báo bổ sung anh L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không phù hợp quy định khoản 4, 6 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do yêu cầu hủy Hợp đồng thế chấp không liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của anh L và khi Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử anh L mới có đơn yêu cầu độc lập nên cấp sơ thẩm chấp nhận và thụ lý đơn của anh L là không đúng qui định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sau đó cấp sơ thẩm ra quyết định đưa vụ án ta xét xử bổ sung là không đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trường hợp này, nếu đã thụ lý phải đình chỉ trả lại đơn yêu cầu độc lập theo điểm g khoản 1 Điều 217, điểm a khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thu thập tài liệu, chứng cứ: Bản án sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất quá hạn 28,95%/năm mà ngân hàng áp dụng từ ngày 26/5/2012 (thời điểm chuyển nợ quá hạn) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (19/9/2017) mà không có sự điều chỉnh lãi suất 3 tháng/1 lần là chưa phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có Công văn 4.1285.18 ngày 26/7/2018 tự nguyện điều chỉnh giảm lãi suất quá hạn đối với bị đơn là 997.391.667đ, như vậy lãi suất quá hạn từ 3.904.229.167đ còn 2.906.837.500đ. Xét nguyên đơn tự nguyện điều chỉnh giảm lãi xuất quá hạn là phù hợp với thỏa

thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung kháng nghị cho rằng cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh, đối chất giữa ông C, anh Q và anh L để làm rõ ai là người sử dụng tiền, ai là người trả tiền lãi đối với ngân hàng để làm rõ mục đích vay, người sử dụng tiền vay. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại cấp sơ thẩm Tòa án đã triệu tập đương sự tham gia đối chất nhưng tại phiên làm việc vắng mặt bị đơn, anh L và vợ chồng ông bà C, H, việc tống đạt văn bản khó khăn. Tòa án phải niêm yết các văn bản tố tụng và các đương sự trên cũng không hợp tác, không đến Tòa án nên việc tiến hành đối chất giữa các đương sự không thể thực hiện được. Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm thì ngoài ngân hàng và ông Vương Quốc C, các đương sự khác không phối hợp đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Mặt khác, việc làm rõ ai sử dụng tiền, ai trả tiền lãi không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ của anh Q với ngân hàng vì anh Q là người trực tiếp ký hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng và buộc anh Q trả nợ là phù hợp với qui định của pháp luật.

- Về ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích của ông C cho rằng: quá trình thẩm định xác định trên đất có 2 bức tường và 8 cây cau, cấp sơ thẩm không đưa các con của ông C vào tham gia tố tụng để xác định công sức đóng góp của các cháu vì thời điểm đó các cháu đều đã thành niên là bỏ sót người tham gia tố tụng, Tòa án không đo đạc diện tích đất trên thực tế dẫn đến khó thi hành được.

Xét thấy, quá trình thẩm định tại cấp sơ thẩm, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định xem xét thẩm định cho ông C, bà H nhưng ông, bà không phối hợp, Hội đồng phải tiến hành xem xét thẩm định từ bên ngoài và qua mô tả của cán bộ địa chính nên việc đo đạc không thể thực hiện được. Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi của ông C đưa các con của ông C vào tham gia tố tụng là không có căn cứ vì tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 97, tờ bản đồ 96, diện tích 192,9m2 tại Xóm T, xã U, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Giấy chứng nhận QSD đất được UBND huyện Đ cấp cho ông Vương Quốc C. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm ông C cũng không có lời khai hay yêu cầu gì về việc các con ông có đóng góp đối với tài sản trên đất thế chấp trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn một số sai sót cần rút kinh nghiệm: tại phiên tòa sơ thẩm, ngân hàng rút yêu cầu trả tiền phạt chậm trả lãi là 145.254.428đ nhưng cấp sơ thẩm không đình chỉ đối với yêu cầu này của ngân hàng là thiếu sót; Đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, lại thụ lý yêu cầu độc lập của anh L và tiếp tục có Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (bổ sung) và sau đó ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử (bổ sung); bản án sơ thẩm tính sai án phí mà bị đơn phải chịu.

Về án phí:Bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật. Do ông C kháng cáo toàn bộ bản án và do sửa án sơ thẩm nên ông C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả tạm ứng án phí mà anh L đã nộp do đình chỉ yêu cầu độc lập của anh L.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm số 20 ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ có những vi phạm về tố tụng và nội dung những vi phạm này có thể được khắc phục tại cấp phúc thẩm nên chấp nhận kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội - sửa án sơ thẩm.

Tuy nhiên, qua đây cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm sâu sắc trong quá trình giải quyết vụ án kinh doanh thương mại nói chung và giải quyết vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng nói riêng về việc điều chỉnh lãi suất của ngân hàng theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ; thời điểm thụ lý yêu cầu độc lập theo Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; xác định tư cách người tham gia tố tụng; tính án phí...cho chính xác, nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo đúng qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 20/2017/KDTM - ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Cụ thể:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 38, 39, 147, 148, điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 342, 343, 355, 471,474 và 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 163 về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ trả lại đơn yêu cầu độc lập của anh Vương Văn L.

2. Đình chỉ yêu cầu trả tiền phạt chậm trả lãi 145.254.428đ của Ngân hàng TMCP Q đối với anh Đinh Ngọc Q.

3. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vương Quốc C.

4. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q với anh Đinh Ngọc Q.

- Buộc anh Đinh Ngọc Q phải thanh toán trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 0286/HĐTD/13/11 ngày 26/05/2011 cho Ngân hàng TMCP Q tính đến ngày 19/9/2017 tổng số là: 5.499.032.354đồng. Cụ thể : Nợ gốc: 2.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 92.194.854đ; nợ lãi quá hạn: 2.906.837.500đ.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín

dụng số 0286/HĐTD/13/11 ngày 26/05/2011 giữa Ngân hàng TMCP Q với anh Đinh Ngọc Q tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả xong nợ gốc.

6. Trường hợp anh Đinh Ngọc Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên, Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý đối với tài sản thế chấp của ông Vương Quốc C và bà Hoàng Thị H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 1764/2011, quyển số 04 TP/CC – SCC/HĐTC ngày 25/5/2011 tại Văn phòng Công chứng H để đảm bảo thi hành án tương ứng với khoản nợ gốc và nợ lãi còn lại của Hợp đồng tín dụng số 0286/HĐTD/13/11 ngày 26/5/2011.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh tóan hết khoản nợ thì anh Đinh Ngọc Q còn phải thanh tóan tiếp cho đến khi hết nợ.

7. Về án phí: Anh Đinh Ngọc Q phải chịu 113.499.032đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ông Vương Quốc C không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả ông Vương Quốc C 2.000.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2015/0000754 ngày 03/10/2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí là: 56.854.000đ đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2015/0000183 ngày 21/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả anh Vương Văn L 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2015/0000726 ngày 07/9/2017 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 16/8/2018.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Thủy